|  |  |
| --- | --- |
|  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN DUY HIỆU** **TỔ CHUYÊN MÔN: HOÁ SINH** |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  *Thanh Khê , ngày 12 tháng 01 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN SINH HỌC**

1. **Phần căn cứ**
* Căn cứ CV số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
* Căn cứ CV số 2233/SGDĐT-GDTrH ngày27/8/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng
* Căn cứ KH số / về việc thực hiện nhiệm vụ năm học của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Duy Hiệu
1. **Phần nội dung**
2. **Đặc điểm tình hình**
	1. Bối cảnh năm học 2020 -2021
	2. Thuận lợi (mạnh/thời cơ): đội ngũ giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, tràn đầy năng lượng.
	3. Khó khăn (yếu/thách thức): Do tình hình dịch COVID 19 kéo dài nên gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức dạy học năm học 2020 - 2021
3. **Các mục tiêu năm học**

Mục tiêu 1: Chất lượng đại trà trên 90%

Mục tiêu 2: Chất lượng mũi nhọn đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố

Mục tiêu 3: Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng tỉ lệ học sinh yêu thích học môn sinh nhiều hơn trước.

1. **Các nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp thực hiện**

Nhiệm vụ 1: Tổ chức thực hiện CTGDPT môn Sinh học

1. **Chương trình theo quy định**

**LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài /chủ đề** | **Yêu cầu kiến thức và Năng lực cần đạt** | **Nội dung dạy học** | **Thời lượng**  | **Hình thức /tổ chức** | **Tài nguyên** | **Phương án đánh giá** |
|  | Bài 34: Vitamin và muối khoáng  | * - Nêu được các đặc điểm hình thái, cấu tạo của quả: quả khô, quả thịt

- Năng lực tư duy sáng tạo, tự học, tự giải quyết vấn đề- Năng lực phản hồi, lắng nghe tích cực, hợp tác trong quá trình thảo luận. | 1. Căn cứ vào đặc điểm nào để phân biệt các loại quả?2. Các loại quả chính. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh, hình các loại quả
* Một số mẫu vật quả
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống – nguyên tắc lập khẩu phần | - Kể tên được các bộ phận của hạt- Phân biệt được hạt Hai lá mầm và hạt Một lá mầm-Giải thích được tác dụng của các biện pháp chọn, bảo quản hạt giống.a. Năng lực chung:+ Năng lực làm chủ và phát triển bản thân: năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy.+ Năng lực về quan hệ xã hội: giao tiếp+ Năng lực công cụ: Sử dụng ngôn ngữ chính xác có thể diễn đạt mạch lac, rõ ràng.b. Năng lực chuyên biệt: Nhóm năng lực liên quan đến sử dụng kiến thức sinh học, nhóm năng lực về nghiên cứu khoa học | 1. Các bộ phận của hạt.2. Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm: | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh câm về các bộ phận của hạt đậu đen và ngô
* Mẫu vật thật: hạt đậu đen đã ngâm nước trước 1 ngày và hạt ngô để trên bông ẩm 3-4 ngày
* Kính lúp
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 37: Thực hành: Phân tích một khẩu phần cho trước | - Phân biệt được những cách phát tán khác nhau của quả và hạt. - Tìm những đặc điểm của quả và hạt phù hợp với cách phát tán. | 1. Các cách phát tán quả và hạt. 2. Đặc điểm thích nghi với cách phát tán của quả và hạt. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Hình 34.1
* Hình ảnh sưu tầm quả hoặc hạt
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 35: Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm | - Tự làm thí nghiệm và nghiên cứu thí nghiệm phát hiện ra các điều kiện cần cho hạt nảy mầm.- Biết được nguyên nhân cơ bản để thiết kế 1 thí nghiệm xác định một trong những yếu tố cần cho hạt nảy mầm. - Giải thích được cơ sở khoa học của một số biện pháp kĩ thuật gieo trồng và bảo quản hạt giống.  | 1. Thí nghiệm về những điều kiện cần cho .hạt nảy mầm: 2. Những hiểu biết về diều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng như thế nào trong sản xuất?  | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Thí nghiệm hạt đỗ hoặc hạt ngô làm trước vài ngày để đối chiếu
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 36: Tổng kết về cây có hoa | - Hệ thống hóa được những kiến thức về cấu tạo và chức năng chính của các cơ quan ở cây có hoa - Tìm được mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan và các bộ phận của cây trong hoạt động sống, tạo thành một cơ thể toàn vẹn. | 1. Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của mỗi cơ quan ở cây có hoa.2. Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa. 3. Các cây sống dưới nước.4. Các cây sống trên cạn5. Cây sống trong những môi trường đặc biệt. | 2 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Hình 36.1
* Hình các cây như h36.3, 36.4, 36.5
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | **CHƯƠNG VIII: Các nhóm thực vật**  Bài 37: Tảo | - Nêu rõ được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là thực vật bậc thấp - Hiểu rõ những lợi ích thực tế của tảo.- Tập nhận biết một số tảo thường gặp qua tranh vẽ và vật mẫu (nếu có) | 1. Cấu tạo của tảo.2. Một vài tảo khác thường gặp.3. Vai trò của tảo. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh 2 loại tảo xoắn và rong mơ và một số tảo khác
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 38: Rêu – cây rêu | - Mô tả được rêu là thực vật đã có thân, lá nhưng cấu tạo đơn giản.- Xác định được môi trường sống của rêu liên quan đến cấu tạo của chúng- Nêu rõ được đặc điểm cấu tạo của rêu, phân biệt rêu với tảo và cây có hoa - Hiểu được rêu sinh sản bằng gì và túi bào tử cũng là cơ quan sinh sản của rêu | 1. Môi trường sống của rêu.2. Quan sát cây rêu3.Túi bào tử và sự phát triển của rêu. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Mẫu vật thật
* Kính lúp hoặc kính hiển vi
* Tranh vẽ phóng to hình cây rêu, cây rêu mang túi bào tử
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 39: Quyết – Cây dương xỉ | - Mô tả được quyết (Cây dương xỉ) là thực vật có rễ, thân, lá, có mạch dẫn. Sinh sản bằng bào tử.- Nêu được đặc điểm chung của nhóm quyết thông qua đaị diện cây dương xỉ : + Cơ quan sinh dưỡng : rễ, thân, lá.+ Cơ quan sinh sản : túi bào tử.+ Sinh sản : bằng bào tử. | * 1. Quan sát cây dương xỉ.
	2. Một vài loài dương xỉ thường gặp
	3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá
 | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Mẫu vật thật, tranh vẽ cây dương xỉ
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 40: Hạt trần – Cây thông | - Trình bày được đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thông.- Phân biệt sự khác nhau giữa nón của thông và với 1 hoa đã biết.- Nêu được sự khác nhau cơ bản giữa cây thông ( cây hạt Trần) và cây có hoa.  | 1. Cơ quan sinh dưỡng của cây thông. 2. Cơ quan sinh sản (nón)3. Giá trị của cây hạt Trần. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Mẫu vật thông 2 lá và nón thông
* Tranh vẽ cây thông có nón đực và nón cái
* Hình ảnh một vài cây hạt trần quen thuộc
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 41: Hạt kín - Đặc điểm của thực vật của Hạt kín | - Nêu được tính chất đặc trưng của cây Hạt kín là có hoa và quả với hạt giấu kín trong quả. Từ đó phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa cây Hạt kín và cây Hạt trần. - Nêu được sự đa dạng của cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của cây Hạt kín.- Biết cách quan sát cây Hạt kín.  | 1. Quan sát cây có hoa2. Tìm hiểu đặc điểm cây Hạt kín | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Tranh vẽ một số cây có hoa khác nhau
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 42: Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm | - Phân biệt một số hình thái của cây thuộc lớp 2 lá mầm và một lá mầm (về kiểu: rễ, gân lá, số lượng cành hoa).- Căn cứ vào đặc điểm để có thể nhận dạng nhanh một số cây thuộc lớp Hai lá mầm hay Một lá mầm. | 1. Cây hai lá mầm và cây một lá mầm2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Hình vẽ một số cây 2 lá mầm và 1 lá mầm
* Mẫu vật thật
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 43: Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật | - Nêu được: Khái niệm phân loại thực vật là gì?- Nêu được các bậc phân loại thực vật và những đặc điểm chủ yếu của các ngành- Vẽ sơ đồ bậc phân loại thực vật,  | 1. Phân loại học thực vật là gì?2. Các bậc phân loại3. Các ngành thực vật | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 45: Nguồn gốc cây trồng | - Giải thích được tuỳ theo mục đích sử dụng, cây trồng đã được tuyển chon và cải tạo từ cây hoang dại.- Phân biệt được sự khác nhau giữa cây dại và cây trồng dựa vào: Tính chất: quả to, ngọt, không hạt và nguồn gốc cây trồng.- Nêu được những biện pháp chính nhằm cải tạo cây trồng. | 1. Cây trồng bắt nguồn từ đâu?
2. Cây trồng khác cây dại như thế nào?
3. Muốn cải tạo cây trồng cần phải làm gì?
 | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh vẽ cải dại và các thứ cải trồng
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | **CHƯƠNG IX: Vai trò của thực vật**Bài 46: Thực vật góp phần điều hoà khí hậu |  - Nêu được vai trò của thực vật đối với động vật và người. | 1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí được ổn định?2. Thực vật giúp điều hòa khí hậu3. Thực vật làm giảm ô nhiễm môi trường | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh vẽ sơ đồ trao đổi khí
* ảnh chụp về ô nhiễm môi trường
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 47: Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước | - Giải thích được nguyên nhân của những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên ( xói mòn, hạn hán, lũ lụt,..) thấy được vai trò của thực vật trong việc giữ đất bảo vệ nguồn nước. | 1. Thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn.2. Thực vật góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán.3. Thực vật góp phần bảo vệ nguồn nước. | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* ảnh chụp về xói mòn trên đồi trọc, xói lở bờ song, bờ biển, nạn ngập lụt
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 48: Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người | - Nêu được một số ví dụ khác nhau cho thấy thực vật là nguồn cung cấp thức ăn và nơi ở cho động vật.- Nêu được vai trò gián tiếp của thực vật trong việc cung cấp thức ăn cho người, thông qua ví dụ cụ thể về dây chuyền thức ăn | I. Vai trò của thực vật đối với động vậtII. Vai trò của thực vật đối với con người | 2 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh thể hiện đv ăn tv, đv sống trên cây
* Tranh hoặc ảnh các cây có hại đối với sức khỏe con người
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 49: Bảo vệ sự đa dạng của thực vật | - Giải thích được sự khai thác quá mức dẫn đến tàn phá và suy giảm đa dạng | 1: Đa dạng của thực vật là gì?2: Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam | 1 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh, ảnh về tv quý hiếm
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | CHƯƠNG X: VI KHUẨN - NẤM - ĐỊA YBài 50: Vi khuẩn | - Mô tả được vi khuẩn là sinh vật nhỏ bé, tế bào chưa có nhân, phân bố rộng rãi. Sinh sản chủ yếu bằng cách phân đôi.- Nêu được vi khuẩn có lợi cho việc phân hủy chất hữu cơ góp phần hình thành mùn, dầu hỏa, than đá, góp phần lên men, tổng hợp vitamin, chất kháng sinh.- Nêu được vi khuẩn có hại gây nên một số bệnh cho cây, động vật và người. | 1. Hình dạng, kích thước và cấu tạo của vi khuẩn.2. Cách dinh dưỡng3: Phân bố và số lượng 4. Vai trò của vi khuẩn | 2 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Trảnh ảnh các dạng vi khuẩn
* Tranh, ảnh về vai trò phân hủy của vk trong đất
* Tranh vẽ rễ cây họ đậu với nốt sần
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 51: Nấm | - Nêu được đặc điểm của nấm nói chung là gì ( về cấu tạo, dinh dưỡng, sinh sản,…)- Phân biệt được các loại nấm. | 1. Mốc trắng và nấm rơm
2. Đặc điểm sinh học
3. Tầm quam trọng của nấm
 | 2 tiết | - Tổ chức hoạt động tại lớp học.- Cá nhân- Nhóm | * Máy chiếu
* Tranh ảnh một số loại nấm và mốc trắng
* Mẫu vật thật về nấm có ích
* Mẫu tv bị nấm bệnh
 | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |
|  | Bài 53. Thực hành – tham quan thiên nhiên. | - Tìm hiểu đặc điểm môi trường từng nơi tham quan- Tìm hiểu thành phần và đặc điểm thực vật có trong môi trường, nêu lên mối quan hệ giữa thực vật với môi trường. | 1. Quan sát ngoài thiên nhiên.2: Quan sát nội dung tự chọn.3. Thảo luận toàn lớp.4. tổng kết  | 3 tiết | * Thực địa
 |  | * Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận
 |